

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HS-ST
Ngày: 08-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Diệp.

Bà Quàng Thị Kim Nhung.

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 26/6/2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa hình sự sơ thẩm số 101/TB-TA ngày 10/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HSST-QĐ ngày 24/7/2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa hình sự sơ thẩm số 104/TB-TA ngày 01/8/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 107/TB-TA ngày 07/8/2024, đối với các bị cáo:

1. Mùa Thị C, sinh ngày 20/10/1986, tại xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa Láo C1 (đã chết) và bà Thảo Thị X, sinh năm 1953; bị cáo có chồng Lầu A S, sinh năm 1984; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Quang H, sinh ngày 08/9/1979, tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKHKT: CH 1108A, T, số nhà F V, phường T, quận T, thành phố Hà Nội. Chỗ ở trước khi bị bắt: Số D, tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề

ng nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1954 (đã chết năm 2006) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1955; bị cáo có vợ Bùi Thị Thu H1, sinh năm 1983; có 01 người con, sinh năm 2003; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/01/2024, tạm giam từ ngày 13/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay (có mặt).

3. Bùi Thị Thu H1, sinh ngày 14/10/1983, tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Số D, tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức T2, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị T3, sinh năm 1959; bị cáo có chồng Trần Quang H, sinh năm 1979; có 01 người con, sinh năm 2003; tiền án: 01 tiền án (tại Bản án số 18/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến ngày 23/01/2023 chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích); tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/01/2024, tạm giam từ ngày 13/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ cho đến nay (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Quang H:** Ông Lê Đình T4, Luật sư Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Thu H1:** Ông Nguyễn Quang K, Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt).

- **Bị hại:** Ông Và A C2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Sinh A P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản C, xã S, huyện M, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Mùa Phá D, sinh năm 1956. Địa chỉ: Bản K, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Lầu A S, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2023 do cần tiền chi tiêu cá nhân, Trần Quang H sinh năm 1979 trú tại số nhà D, tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La đã nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. H

bàn với vợ là Bùi Thị Thu H1, sinh năm 1983 tìm bạn sinh sống ở nơi có người phạm tội về ma túy, xem họ có nhu cầu chạy án thì nhận giúp, để chiếm đoạt tiền tiêu xài cá nhân. Hường nhất trí và liên lạc với Mùa Thị C, sinh năm 1986, trú tại tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thống nhất tìm người chạy án để chiếm đoạt tiền và giới thiệu Trần Quang H làm ở Bộ C5, có nhiều mối quan hệ, có khả năng chạy án và đã chạy được cho rất nhiều người. H1 hứa sẽ trả hoa hồng cho C, C nhất trí.

Cuối tháng 9/2023, Mùa Thị C dẫn Mùa Phá D, sinh năm 1986 trú tại bản Keo Lôm 1, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đến nhà H, H1 đặt vấn đề chạy án cho con trai là Mùa A C3 bị bắt về tội ma túy. Khi trao đổi với D, H1 giới thiệu Trần Quang H làm ở Bộ C5 có nhiều mối quan hệ, đã chạy được án cho nhiều người, giá chạy án cho C3 được thả về là 500 triệu đồng. Di nhất trí đi về, kể lại nội dung nhờ H – H1 chạy án và hỏi vay tiền của anh vợ là Và A C2, sinh năm 1962, trú tại bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nhưng Và A C2 không cho vay vì con trai của C2 là Và A T5 cũng mới bị bắt về tội ma túy. Không có tiền, D trả lời H – H1 không chạy án cho C3 nữa nên C cũng không được trả hoa hồng trong lần này.

Ngày 13/10/2023, Và A C2 đã nhờ Mùa Phá D và con rể Sinh A P, sinh năm 1998 trú tại bản 36, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên dẫn đến nhà H – H1 nhờ chạy án cho Và A T5, sinh năm 1992 bị Công an tỉnh Đ khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cùng ngày, Mùa Phá D tự dẫn Sinh A đến gặp Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 tại số nhà D, tiểu khu A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La, sau khi trao đổi và thống nhất, giá chạy án cho T5 được thả về sau một tuần là 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) nhưng phải đặt cọc trước để làm hồ sơ, D và P thông báo cho Và A C2 biết. Sau đó, Trần Quang H đã mượn số tài khoản của em rể là Nguyễn Văn K1, sinh năm 1991, trú tại T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La để nhận 250.000.000 đồng tiền đặt cọc. Ngày 21/10/2023, tại phòng khách tầng 2 nhà H – H, D và P đã giao cho H – Hường 750.000.000 đồng tiền mặt, cả hai lần giao dịch trên Căng không biết và không được chứng kiến. Ngày 25/10/2023 H1 bảo C nhận 100.000.000 đồng từ người nhà T5, C nhất trí và mượn số tài khoản của chồng là Lầu A S để nhận 100 triệu đồng từ Sinh A và Và A C4 (con trai của ông Và A C2), nhưng không nói cho S biết đó là tiền gì. Sau đó C bảo S chuyển 70 triệu đồng vào số tài khoản của Trần Minh Đ, sinh năm 2003 (con trai Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1) rồi Đức chuyển lại cho H1 toàn bộ số tiền trên. Căng được hưởng 30 triệu đồng tiền hoa hồng, Một tuần sau S đi công tác về, C rút 30 triệu đồng chi tiêu cá nhân hết. Tổng số tiền H – H1 đã nhận là 1.070.000.000 đồng.

Giao đủ tiền nhưng không thấy T5 được thả về, ngày 01/01/2024 Sinh A P và Và A P1 (Chú của Và A T5) đến gặp H, H1 thì tiếp tục được nghe thông tin gian dối là không thể chạy cho T5 được thả về ngay vì T5 nằm trong chuyên án và liên quan nhiều đối tượng khác, chỉ có thể chạy được án treo và tại ngoại cho T5, nhưng phải đưa thêm 600 triệu đồng. Do chưa lo đủ tiền ngay nên hai bên đã thống nhất, P sẽ giao cho C 200 triệu đồng để chuyển cho H1 – H; số tiền 400 triệu đồng còn lại sau khi T5 được về thì sẽ thanh toán hết. Sau đó H1 điện thoại

bảo C nhận 200 triệu đồng từ P. Khoảng 09 giờ ngày 05/01/2024 khi C đang nhận tiền của P tại quầy giao dịch Ngân hàng A chi nhánh Đ1, tỉnh Điện Biên thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng 200 triệu đồng. Quá trình điều tra Mùa Thị C đã tự nguyện nộp số tiền 30 triệu đồng. Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 đã nhờ gia đình nộp 1.070.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Kết luận giám định số 312/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng K2, Công an tỉnh Đ kết luận:

800 (tám trăm) tờ tiền Việt Nam đồng gửi giám định gồm: 300 (ba trăm) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); 100 (một trăm) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng); 200 (hai trăm) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và 200 (hai trăm) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) là tiền thật.

Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSĐB-P1 ngày 06/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố Mùa Thị C để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quang H từ 12 đến 13 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H1 từ 09 đến 10 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Mùa Thị C từ 07 đến 08 năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22, màu xanh, tình trạng: cũ, đã qua sử dụng, số IMEI (khe 1): 358475773513587, IMEI (khe 2): 359111893513582, thu giữ của Mùa Thị C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu trắng, tình trạng: cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 359056819670570, số IMEI 2: 359056819920561, thu giữ của Bùi Thị Thu H1.

+ 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu đen, số IMEI: 356616948898112, số IMEI 2: 356616948103679, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Quang H.

+ 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn: Đen xanh, biển kiểm soát 27B1-596.96, số khung: RLHJA3654GY026215, số máy: JA36E-0496222, dung tích: 109cm³, năm sản xuất: 2017, số chỗ ngồi: 02, loại xe 02 bánh từ 50 – 175cm³, kèm theo 01 chìa khóa. Xe đã qua sử dụng, thu giữ của Mùa Thị C.

*** *Trả lại cho Lầu A S (chồng của bị cáo Mùa Thị C, địa chỉ: Tổ B, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên):*** 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, biển kiểm soát 27B1-596.96.

*** *Tịch thu tiêu hủy:*** 01 túi bóng màu xanh.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo Mùa Thị C đã tự nguyện nộp lại số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 đã tác động gia đình nộp 1.070.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Bị hại V và A C2 đã nhận đủ số tiền 1.300.000.000 đồng theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật số 48/QĐ-ANĐT ngày 23/05/2024 của Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Đ (Bút lục số 525) và biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật ngày 28/05/2024 (Bút lục số 534b). Bị hại V và A C2 không yêu cầu các bị cáo Mùa Thị C, Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Những người bào chữa cho các bị cáo Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, Điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Sau khi bị bắt các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 đã chủ động tác động gia đình, người thân khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra; bị cáo Bùi Thị Thu H1 có bà ngoại là Hàng Thị S1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng N và ông ngoại là Phạm Văn S2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương chiến thắng hạng Ba, bị cáo có tiền sử bệnh rối loạn tiền đình và hiện đang bị bệnh viêm gan C, cả hai vợ chồng trong cùng vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị cáo đang bị tạm nghỉ học vì không có ai nuôi ăn học tiếp, các bị cáo đều được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo H, H1.

Lời nói sau cùng các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo không bị oan sai, rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội, chăm lo nuôi dạy các con ăn học.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lầu A S (chồng của bị cáo Mùa Thị C) có đơn đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, biển kiểm soát 27B1-596.96 cho anh; vì đây là tài sản của anh, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Mùa Thị C, khi bị cáo C lấy xe máy đi nhận tiền của bị hại Và A C2 thì anh S không biết. Anh muốn xin lại toàn bộ chiếc xe để làm phương tiện đi lại, phục vụ cho sinh hoạt chung của gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C khai nhận đúng như nội dung bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05/01/2024; phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Kết luận giám định số 312/KL-KTHS ngày 25/01/2024 của Phòng K2, Công an tỉnh Đ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định trong các ngày 13, 21, 25 tháng 10 năm 2023 và ngày 05/01/2024 tại địa bàn hai tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên, Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 và Mùa Thị C đã đưa ra thông tin gian dối, chạy được án treo và tại ngoại cho Và A T5, sinh năm 1992, bị Công an tỉnh Đ khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chiếm đoạt 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) của Và A C2 (bố của bị can Và A T5). Trong đó Mùa Thị C thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 300.000.000 đồng; còn Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 1.300.000.000 đồng,

Các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 thực hiện hành vi gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Và A C2 với số tiền 1.300.000.000 đồng, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự:

Bị cáo Mùa Thị C đã thực hiện hành vi giúp sức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Và A C2 với số tiền 300.000.000 đồng, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự:

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; về nhân

thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, nguyên nhân do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, hành vi gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H2, Mùa Thị C là đặc biệt nghiêm trọng, rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền định đoạt tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ **Đối với bị cáo Trần Quang H:** Bị cáo Trần Quang H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã tác động để gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại V và A C2 và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ **Đối với bị cáo Bùi Thị Thu H1:** Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại V và A C2, ngoài ra bị cáo Bùi Thị Thu H1 có bà ngoại là Hàng Thị S1 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng N và ông ngoại là Phạm Văn S2 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huân chương chiến thắng hạng Ba, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Bùi Thị Thu H1 có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xử phạt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản vào ngày 23/01/2018 tại Bản án số 18/2018/HS-ST với mức hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; ngày 23/01/2023 bị cáo chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, bị cáo H1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ **Đối với bị cáo Mùa Thị C:** Sau khi bị bắt, bị cáo Mùa Thị C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã chủ động khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Ngoài ra bị cáo C có bố đẻ là ông Mùa L Chứ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba và Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này có tính chất đồng phạm, bị cáo Trần Quang H là người chủ mưu, khởi xướng, chủ động bàn bạc thống nhất phương thức, thủ đoạn để Bùi Thị Thu H1 trao đổi, liên lạc với Mùa Thị C và bị hại Và A C2. Bị cáo Bùi Thị Thu H1 là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đã cùng với Trần Quang H bàn bạc việc chạy án, nhận tiền chạy án từ bị hại và chủ động trực tiếp liên hệ với Mùa Thị C, Và A C2. Bị cáo Mùa Thị C là người giúp sức tích cực, trực tiếp tìm, liên hệ với gia đình người bị bắt để đặt vấn đề chạy án, khi thấy thân nhân của người bị bắt có nhu cầu chạy án, C đã giới thiệu và đưa người nhà đến gặp Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 để trực tiếp trao đổi, thỏa thuận việc chạy án, số tiền chạy án.

Các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 là hai vợ chồng cùng nhau bàn bạc phương thức, thủ đoạn gian dối nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Và A C2 số tiền 1.300.000.000 đồng; Mùa Thị C là người giúp sức tích cực cho vợ chồng bị cáo H, H1 và đã trực tiếp nhận của Và A C2 số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, cần phải áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xem xét tính chất, vai trò và quyết định mức hình phạt phù hợp với hành vi vi phạm pháp luật của từng bị cáo đã gây ra.

Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét một cách toàn diện, khách quan đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong vụ án này bị cáo H và bị cáo H1 là hai vợ chồng đang phải nuôi con ăn học đại học năm thứ hai tại Hà Nội, sau khi các bị cáo bị bắt con đã phải nghỉ học vì không có ai nuôi ăn học tiếp, bản thân bị cáo H1 có tiền sử bị bệnh rối loạn tiền đình thường xuyên đau đầu, mất ngủ và hiện đang bị bệnh viêm gan C; bị cáo Mùa Thị C có ba con còn nhỏ, có 01 con chưa được 36 tháng tuổi cũng rất cần sự chăm sóc của người mẹ; các bị cáo đã khắc phục kịp thời toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo cũng đủ để nghiêm trị và giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo, nhân văn của pháp luật hình sự đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật mà mình đã gây ra.

Đối với đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1 về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình các bị cáo không có tài sản gì có giá trị; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và những người bào chữa cho các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra an ninh Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, bị cáo Mùa Thị C đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); bị cáo Trần Quang H và Bùi Thị Thu H1 đã nhờ gia đình nộp số tiền 1.070.000.000 đồng (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng) để khắc phục hậu quả. Bị hại Và A C2 đã nhận đủ lại số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo và gia đình đối với bị hại Và A C2.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22 màu xanh thu giữ của Mùa Thị C; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu trắng thu giữ của Bùi Thị Thu H1; điện thoại Iphone 15 Promax màu đen thu giữ của Trần Quang H; do các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn: Đen xanh, biển kiểm soát 27B1-596.96 thu giữ của Mùa Thị C, do Mùa Thị C dùng làm phương tiện đi nhận số tiền 200 triệu đồng của Và A C2 tại ngân hàng, chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng và là phương tiện dùng cho hoạt động của cả gia đình, nên cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe để sung vào ngân sách Nhà nước và trả lại 1/2 giá trị chiếc xe máy trên cho Lầu A S là chồng của bị cáo Mùa Thị C.

- Đối với 01 túi bóng màu xanh, là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với số tiền 1.300.000.000 đồng, Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 48/QĐ-ANĐT ngày 23/05/2024 để trả lại cho bị hại Và A C2 số tiền trên. Việc trả lại số tiền trên cho người bị hại đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Santafe, màu trắng, mang biển kiểm soát 30G-609.18; 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-benz GLC30, màu trắng, biển kiểm soát 30H-780.95); 02 (hai) điện thoại di động (01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 tạm giữ của Bùi Thị Thu H1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A54 5G tạm giữ của Trần Quang H), Cơ quan An ninh điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 49/QĐ-ANĐT ngày 23/05/2024 để trả lại các tài sản trên cho các bị cáo, do không liên quan đến vụ án. Việc trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu đúng pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình điều tra xác định, tổng số tiền để chạy án là 1.300.000.000 đồng và bị cáo Mùa Thị C đã nhận số tiền 300.000.000 đồng, trong đó trực tiếp nhận số tiền 200.000.000 đồng; nhận qua tài khoản của Lầu A S là 100.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại, C không được trực tiếp tham gia vào việc bàn bạc, thống nhất nội dung, số tiền để chạy án cho Và A T5 và cũng không được chứng kiến việc giao nhận tiền nên không biết chính xác tổng số tiền, số tiền cụ thể giao nhận của từng lần mà gia đình Và A T5 đã đưa cho H1, H để chạy án cho T5. Do đó, không đủ căn cứ để kết luận hành vi của Mùa Thị C chiếm đoạt số tiền 1,3 tỷ đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Huỳnh Thị Lệ H3, sinh năm 1968, trú tại tổ D, M, N, Đà Nẵng. Quá trình điều tra, xác định số tài khoản 102878967724 có chủ tài khoản là Huỳnh Thị Lệ H3 đã chuyển số tiền 3.254.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Văn K1. Sau đó, K1 đã chuyển toàn bộ số tiền này cho Trần Quang H theo yêu cầu của H. Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản đề nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đ tiến hành xác minh làm rõ nhưng đến nay chưa có kết quả. Đề nghị cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ nếu có liên quan đến hành vi phạm tội thì tiến hành xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với số tài khoản 79988388888 có thông tin chủ tài khoản là Hoàng Minh P2, sinh năm 1990, trú tại: Á, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản đề nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B xác minh làm rõ nhưng chưa có kết quả. Đề nghị cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh làm rõ nếu có liên quan đến hành vi phạm tội thì tiến hành xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với việc tra cứu thông tin chủ thuê bao đối với các số điện thoại gắn trong điện thoại tạm giữ của bị cáo Mùa Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sinh A P, cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản đề nghị Tập đoàn V chi nhánh tỉnh Điện Biên, Tập đoàn B cung cấp thông tin nhưng đến nay chưa có kết quả. Quá trình điều tra xác định, xác đối tượng chủ yếu liên lạc qua mạng Zalo để trao đổi, bàn bạc, thống nhất việc chạy án, giao nhận tiền chạy án. Do đó, việc xác định thông tin chủ thuê bao và rút list lịch sử cuộc gọi, tin nhắn của các số thuê bao không ảnh hưởng đến bản chất vụ án.

Quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định Lầu A S, Nguyễn Văn K1, Trần Minh Đ, Và A C2, Mùa P, Sinh A P thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài, nên không có căn cứ để xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3; điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Quang H 11 (mười một) năm tù.**

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày (06/01/2024).

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thu H1 09 (chín) năm tù.**

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày (06/01/2024).

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Mùa Thị C 05 (năm) năm tù.**

- Khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024 là 09 (chín) ngày tù. Bị cáo **Mùa Thị C còn phải chấp hành tiếp là 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 21 ngày tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày vào trại giam chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A22, màu xanh, tình trạng: cũ, đã qua sử dụng, số IMEI (khe 1): 358475773513587, IMEI (khe 2): 359111893513582, thu giữ của Mùa Thị C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max màu trắng, tình trạng: cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 359056819670570, số IMEI 2: 359056819920561, thu giữ của Bùi Thị Thu H1.

+ 01 điện thoại Iphone 15 Promax màu đen, số IMEI: 356616948898112, số IMEI 2: 356616948103679, điện thoại cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Quang H.

+ 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn: Đen xanh, biển kiểm soát 27B1-596.96, số khung: RLHJA3654GY026215, số máy: JA36E-0496222, dung tích: 109cm³, năm sản xuất: 2017, số chỗ ngồi: 02, loại xe 02 bánh từ 50 – 175cm³, kèm theo 01 chìa khóa. Xe đã qua sử dụng, thu giữ của Mùa Thị C.

*** Trả lại cho Lầu A S (chồng của bị cáo Mùa Thị C, địa chỉ: Tổ B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Điện Biên):** 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Blade, màu sơn: Đen xanh, biển kiểm soát 27B1-596.96, số khung: RLHJA3654GY026215, số máy: JA36E-0496222, dung tích: 109cm³, năm sản xuất: 2017, số chỗ ngồi: 02, loại xe 02 bánh từ 50 – 175cm³, kèm theo 01 chìa khóa. Xe đã qua sử dụng, thu giữ của Mùa Thị C.

*** Tịch thu tiêu hủy:** 01 túi bóng màu xanh.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/06/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Trần Quang H, Bùi Thị Thu H1, Mùa Thị C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2024).

Bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Khanh